

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về thống kê, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP7, VP9.

ĐN_VP7_QĐ2024

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA
THUẬN QUỐC TẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan cấp Sở	Cơ quan cấp sở thuộc tỉnh
2	Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
3	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan cấp Sở	Cơ quan cấp sở thuộc tỉnh
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện	UBND cấp huyện
5	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở	Cơ quan cấp sở thuộc tỉnh
6	Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện	UBND cấp huyện

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC

1. Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan cấp Sở

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (*nếu cần*).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Cơ quan đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan, đơn vị và hoàn thiện hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc cho phép ký kết thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết, cơ quan ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh.

1.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (*theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (*theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

1.4. Thời hạn giải quyết

- Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*); 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*);

- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận quốc tế đã được ký kết.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

2. Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (nếu cần).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (đối với hồ sơ thông thường) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ trình của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc khi có thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc cho phép ký kết thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết, cơ quan

ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế (theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.4. Thời hạn giải quyết

- Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (đối với hồ sơ thông thường); 20 (hai mươi) ngày làm việc (đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại);

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận quốc tế đã được ký kết.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan cấp Sở

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy

thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (*nếu cần*).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Cơ quan đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận hợp tác trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) để xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ trình của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong thời gian 05 ngày làm việc khi có thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc cho phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, Cơ quan ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh.

3.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế (*theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (*theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3.4. Thời hạn giải quyết

- Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*); 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*);

- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện

4.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (*nếu cần*).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) để xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ trình của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc khi có thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định bằng văn bản về việc cho phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, Cơ quan ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*).

4.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế (theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

4.4. Thời hạn giải quyết

- Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (đối với hồ sơ thông thường); 20 (hai mươi) ngày làm việc (đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại);

- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

5. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở

5.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ

quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (*nếu cần*).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Cơ quan đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) để xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ trình của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc khi có thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định bằng văn bản về việc cho phép chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ, Cơ quan ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh.

5.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (*theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (*theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021*).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

5.4. Thời hạn giải quyết

+ Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*); 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*);

+ UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa thuận quốc tế được chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

+ Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.

6. Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp huyện

6.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế lấy ý kiến bằng văn bản của Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế; đồng thời đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy thêm ý kiến của các bộ, ban, ngành liên quan (*nếu cần*).

Bước 2: Trong 07 ngày làm việc, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề xuất chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) xem xét, quyết định.

Bước 4: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc (*đối với hồ sơ thông thường*) hoặc 20 (hai mươi) ngày làm việc (*đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại*) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu hồ sơ trình của các cơ quan đơn vị; thẩm tra, rà soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

Bước 5: Trong 05 (năm) ngày làm việc từ khi có thông báo Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định bằng văn bản về việc cho phép chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Bước 6: Trong 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ, Cơ quan ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo UBND tỉnh.

6.2. Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

- Văn bản đề xuất về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (theo Điểm 1, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức (theo Điểm 2, Điều 12, Nghị định 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

- Dự thảo văn bản chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

6.4. Thời hạn giải quyết

- Văn phòng UBND tỉnh: 05 (năm) ngày làm việc (đối với hồ sơ thông thường); 20 (hai mươi) ngày làm việc (đối với hồ sơ có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại);

- UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa thuận quốc tế chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thỏa thuận Quốc tế năm 2020;

- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.